

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH BIỂN VIỆT NAM

Phạm Thị Thu Hà
Trường Chính trị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Email: phamha.ttc@gmail.com

Tóm tắt: Tài nguyên du lịch biển, đảo ở Việt Nam rất phong phú và đa dạng, đặc biệt là các giá trị cảnh quan, sinh thái và nguồn lợi sinh vật biển. Đây là tiền đề quan trọng cho việc phát triển nhiều loại hình du lịch: du lịch tham quan, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch thể thao biển,... với nhiều sản phẩm du lịch hấp dẫn, có khả năng cạnh tranh cao. Với tiềm năng và lợi thế đó, chúng ta cần có những giải pháp đồng bộ để phát triển bền vững du lịch biển Việt Nam cho hôm nay và cho mai sau.

Từ khóa: Giải pháp, phát triển bền vững, du lịch biển, Việt Nam.

SOME SOLUTIONS FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT OF VIETNAM'S SEA TOURISM

Phạm Thị Thu Hà
Ba Ria – Vung Tau Provincial School of Politics
Email: phamha.ttc@gmail.com

Abstract: Vietnam's marine and island tourism resources are very rich and diverse, especially the landscape, ecological values and marine biological resources. This is an important premise for the development of many types of tourism: sightseeing tourism, eco-tourism, sea resort tourism, sea sports tourism,... with many attractive tourism products, highly competitive. With such potential and advantages, we need to have synchronous solutions to sustainably develop Vietnam's marine tourism for today and for the future.

Keywords: Solutions, sustainable development, marine tourism, Vietnam.

Nhận bài: 15/03/2025

Phản biện: 09/04/2025

Duyệt đăng: 14/04/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thế kỷ XXI được xem là “Thế kỷ của đại dương”. Kinh tế biển trở thành động lực phát triển đất nước, bao gồm các ngành chính là dầu khí, vận tải biển, cảng biển, năng lượng tái tạo, thủy sản, hệ sinh thái biển và du lịch biển. Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta, các doanh nghiệp, cộng đồng, các bên liên quan đều nỗ lực trong công tác bảo tồn tài nguyên, môi trường biển nhằm phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

Trong chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã khẳng định du lịch cùng với dịch vụ biển ở vị trí đầu tiên trong thứ tự ưu tiên của các ngành kinh tế biển. Đây cũng là hướng đi được ưu tiên phát triển nhằm phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam. Mặc dù, được ưu tiên phát triển nhưng du lịch biển ở nước ta bên cạnh những nỗ lực và thành tựu đạt được cũng còn bộc lộ nhiều tồn tại cần phải thẳng thắn nhìn nhận và khắc phục như: sự phát triển thiếu đồng bộ, ô nhiễm môi trường biển, khai thác quá mức, huỷ hoại tài nguyên,... những tồn tại trên cần phải nhanh chóng tìm ra những giải pháp hữu hiệu, đồng bộ nhằm phát triển bền vững du lịch biển Việt Nam.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái luận chung về phát triển du lịch

biển bền vững

2.1.1. Phát triển du lịch bền vững

Thuật ngữ du lịch bền vững (Sustainable Tourism) lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1996, được Hội đồng Du lịch và Lữ hành quốc tế (World Tourism and Travel Council - WTTC) định nghĩa: “là việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách và vùng du lịch mà vẫn đảm bảo những khả năng đáp ứng nhu cầu cho các thế hệ du lịch tương lai”.

Theo Tổ chức Du lịch Thế giới (World Tourism Organization - UNWTO), du lịch bền vững cần quan tâm đến các vấn đề: “1) Về môi trường: Sử dụng tối ưu các nguồn tài nguyên môi trường là yếu tố chính trong phát triển du lịch, duy trì các quy trình sinh thái thiết yếu và giúp bảo tồn di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học; 2) Về xã hội và văn hóa: Tôn trọng tính chân thực văn hóa xã hội của các cộng đồng địa phương, bảo tồn di sản văn hóa được xây dựng và sống động các giá trị truyền thống, góp phần tạo sự hiểu biết và khoan dung giữa các nền văn hóa; 3) Về kinh tế: Đảm bảo các hoạt động kinh tế khả thi, lâu dài, mang lại các lợi ích kinh tế - xã hội cho tất cả các bên liên quan được phân phối công bằng, bao gồm việc làm ổn định và các cơ hội kiếm thu nhập và các dịch vụ xã hội cho các cộng đồng địa phương và góp phần xóa đói giảm nghèo”.

Phát triển du lịch bền vững không chỉ bảo vệ môi trường mà còn duy trì sự ổn định văn hóa và xã hội của cộng đồng địa phương, thúc đẩy nền kinh tế, mang lại lợi ích công bằng cho các bên liên quan. Điều này, đảm bảo sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, tôn trọng giá trị văn hóa, bảo vệ lợi ích kinh tế. Du lịch bền vững kết nối bảo tồn tài nguyên với lợi ích kinh tế, xã hội, văn hóa, đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm ảnh hưởng đến các thế hệ tương lai.

Như vậy, du lịch bền vững là hình thức du lịch tập trung vào việc bảo vệ và duy trì tài nguyên du lịch, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, kinh tế và văn hóa - xã hội. Mục tiêu là đáp ứng nhu cầu của du khách hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai.

2.1.2. Phát triển du lịch biển bền vững

Là khai thác các tiềm năng cho phát triển du lịch biển hiện tại mà vẫn giữ gìn, bảo vệ, duy trì được tài nguyên du lịch biển cho thế hệ tương lai, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, hệ sinh thái biển, đa dạng sinh học biển và cảnh quan thiên nhiên biển, đảo.

2.2. Tiềm năng phát triển du lịch biển, đảo Việt Nam

Là quốc gia nằm ở khu vực Đông Nam Á, có 3 mặt giáp biển với bờ biển kéo dài trên 3.260 km và gần 3.000 hòn đảo lớn nhỏ cùng 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, biển đảo Việt Nam có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược quốc phòng, an ninh quốc gia, phát triển kinh tế và du lịch. Các bãi biển nước ta phân bố trải đều từ bắc vào nam, từ Móng Cái đến Hà Tiên với hàng loạt bãi tắm đẹp, cát mịn, nước trong xanh như Trà Cổ, Sầm Sơn, Cửa Lò, Cửa Tùng, Lăng Cô, Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Quy Nhơn, Nha Trang, Ninh Chữ, Mũi Né, Long Hải, Vũng Tàu... Cùng với bờ biển dài, nước ta có một hệ thống đảo, vịnh phong phú trải dài từ vùng biển Quảng Ninh đến Kiên Giang với nhiều cảnh quan nổi tiếng như Đảo Cô Tô, Bạch Long Vĩ, Cát Bà, Phú Quốc... và nhiều vịnh đẹp nổi tiếng như Vịnh Hạ Long, Vịnh Lan Hạ (Hải Phòng), Vịnh Xuân Đài (Phú Yên), Vịnh Lăng Cô (Thừa Thiên Huế), Vịnh Nha Trang (Khánh Hòa)...

Lãnh thổ du lịch biển đảo là nơi hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi với nguồn tài nguyên tự nhiên, nguồn tài nguyên nhân văn đa dạng và phong phú,

tập trung tới 07/13 di sản thế giới ở Việt Nam; 06/08 khu dự trữ sinh quyển, nhiều vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên; nhiều di tích văn hoá - lịch sử. Trong số 25 vườn quốc gia ở Việt Nam thì có 4 vườn quốc gia trên đảo gồm vườn quốc gia Cát Bà, vườn quốc gia Bái Tử Long, vườn quốc gia Côn Đảo, vườn quốc gia Phú Quốc; 7 vườn quốc gia thuộc các tỉnh ven biển là U Minh Thượng (Kiên Giang), Bạch Mã (Huế), Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình), Pù Mát (Nghệ An), Vũ Quang (Hà Tĩnh), Bến En (Thanh Hóa), Cúc Phương (Ninh Bình). Vùng ven biển có 22/55 khu bảo tồn thiên nhiên, trong đó có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên có giá trị để phát triển du lịch như: Sơn Trà, Bà Nà (Đà Nẵng), Cù Lao Chàm (Quảng Nam), Hòn Mun (Khánh Hòa).

Ngoài ra, các đảo ven biển nước ta còn lưu giữ khá nhiều di tích lịch sử, lễ hội văn hóa (trong khoảng hơn 100 lễ hội tiêu biểu ở Việt Nam thì có 35 lễ hội thuộc vùng ven biển), ẩm thực làng biển với nhiều làng nghề như nuôi, chế biến hải sản, nuôi cấy ngọc trai...

Với những đặc điểm trên, Việt Nam có nhiều tiềm năng và điều kiện để xây dựng khu du lịch biển đảo có sức cạnh tranh cao, chủ động xây dựng các sản phẩm du lịch biển đảo, đặc biệt là loại hình du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thể thao biển, du lịch sinh thái, du lịch MICE (là loại hình du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện, du lịch khen thưởng của các công ty cho nhân viên, đối tác),... mang đặc trưng, bản sắc riêng, có sự khác biệt giữa các vùng, miền đồng thời đem lại hiệu quả cho nhiều ngành kinh tế, tạo việc làm, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần quảng bá hình ảnh về đất nước, con người Việt Nam với quốc tế.

2.3. Thực trạng khai thác, phát triển du lịch biển đảo Việt Nam

Vùng biển Việt Nam nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiều khu vực ẩm quanh năm, rất thuận lợi cho du khách từ nhiều quốc gia, đặc biệt từ các quốc gia có mùa đông lạnh tới nghỉ dưỡng, tắm biển. Những năm gần đây, ngành du lịch biển, hải đảo Việt Nam đang trên đà phát triển, thu hút ngày càng nhiều du khách trong, ngoài nước. Dọc bờ biển nước ta có nhiều bãi biển lớn, nhỏ, cảnh quan đẹp, trong đó có những bãi biển đủ tiêu chuẩn quốc tế, nằm trên tuyến du lịch quốc tế Đông Nam Á như Vũng Tàu, Nha Trang,

Đà Nẵng, Bình Thuận, Hải Phòng, Quảng Ninh... Du lịch và dịch vụ biển có sự phát triển nhanh chóng, tạo diện mạo mới cho hệ thống đô thị ven biển, từng bước hình thành cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại, cao cấp.

Tuy nhiên, việc khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên biển và hải đảo ở Việt Nam chưa thực sự hiệu quả, còn thiếu tính bền vững, nhất là trình độ khai thác tài nguyên biển vẫn đang ở tình trạng lạc hậu, dẫn đến tình trạng lãng phí tài nguyên, hiệu quả kinh tế chưa cao.

Theo Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đặt ra mục tiêu tổng quát đến năm 2030 là tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, công bằng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế; ô nhiễm môi trường biển được ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu đáng kể, hướng tới mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển.

Thách thức lớn đối với sự phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam hiện nay là thực trạng ô nhiễm môi trường biển, đe dọa sự sinh tồn của hệ sinh thái biển, tác động xấu tới nguồn lợi hải sản; với mục tiêu phát triển tập trung vào các yếu tố kinh tế, tăng trưởng ngắn hạn hơn các yếu tố môi trường, coi trọng lợi ích trước mắt hơn hệ quả lâu dài. Hiện nay, môi trường sinh thái biển Việt Nam đang bị suy giảm tính đa dạng sinh học, nhất là vùng ven bờ. Đó là do tốc độ đô thị hóa và phát triển các khu công nghiệp, khu du lịch nghỉ dưỡng ven biển nhưng thiếu quy hoạch, thiếu hệ thống xử lý nước thải, dẫn đến môi trường sinh thái của hàng trăm ngàn km² biển ven bờ bị ảnh hưởng. Cùng với đó, tình trạng ô nhiễm từ việc nuôi trồng thủy sản bừa bãi; nạn khai thác khoáng sản ồ ạt có tác động xấu đến môi trường. Thêm vào đó, rừng ngập mặn bị tàn phá nghiêm trọng; 90% rạn san hô bị đe dọa hủy hoại, khoảng 85 loài thủy sản trong tình trạng nguy cấp ở nhiều mức độ khác nhau, trong đó có 70 loài được đưa vào sách đỏ. Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 đã chỉ ra, tình trạng rác thải nhựa, trong đó có rác thải nhựa đại dương đang là vấn đề nóng trên toàn cầu, đặc biệt tại các quốc gia ven biển như Việt Nam.

Có thể thấy, để đảm bảo phát triển bền vững kinh tế biển nói chung, phát triển bền vững du lịch biển nói riêng, cần có chiến lược khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường biển. Các ngành kinh tế sử dụng nhiều tài nguyên được giảm mức độ ưu tiên và được thay thế bằng các ngành sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên hơn như du lịch, hàng hải... với quan điểm xuyên suốt là, phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển.

2.4. Một số giải pháp phát triển bền vững du lịch biển Việt Nam

Thực hiện nghiêm chỉnh chỉ đạo của Chính phủ theo Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đó là:

Thứ nhất, phát triển kinh tế biển gắn với khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển

Phát triển nhanh và bền vững các ngành kinh tế biển và khu vực ven biển, nhất là các lĩnh vực kinh tế biển chủ lực theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; (4) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (5) Công nghiệp ven biển; (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; nâng cao đời sống và sinh kế cộng đồng.

Ưu tiên bố trí không gian biển cho phát triển du lịch sinh thái, du lịch địa chất thám hiểm khoa học, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, du lịch ra các đảo, vùng biển xa bờ.

Phát triển hệ thống cảng biển xanh, thiết lập các khu vực biển đặc biệt nhạy cảm, tuyến hàng hải, có tính đến bối cảnh biến động trong khu vực và quốc tế. Các bến cảng khách quốc tế gắn với các vùng động lực phát triển du lịch; các bến cảng quy mô lớn phục vụ các khu kinh tế, khu công nghiệp; các bến cảng tại các huyện đảo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh và chủ quyền biển đảo; các bến cảng tại các huyện đảo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh và chủ quyền biển đảo.

Thứ hai, phát triển các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ môi trường

Ô nhiễm môi trường biển phải được kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu. Vấn đề về ô nhiễm

xuyên biên giới, sự cố môi trường biển, ô nhiễm rác thải nhựa đại dương được quan trắc, kiểm soát và quản lý hiệu quả.

Khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, có khả năng phục hồi, chống chịu của hệ sinh thái biển đảo.

Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo, tăng diện tích các khu bảo tồn biển, khu vực biển, ven biển được bảo tồn; phục hồi diện tích rừng ngập mặn ven biển.

Điều tra cơ bản và nghiên cứu khoa học biển và hải đảo cơ bản đáp ứng được yêu cầu của hoạt động khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển và hải đảo, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa biển, phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng góp phần phát triển bền vững kinh tế biển.

Ưu tiên nguồn lực để đẩy mạnh các hoạt động, mô hình khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường, các dự án đáp ứng tiêu chí kinh tế tuần hoàn, phù hợp với trữ lượng tài nguyên và sức chứa sinh thái; hạn chế các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên bằng các công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp, gây tổn hại đến tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học.

Thứ ba, thành lập quỹ thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thời gian qua, nguồn lực nhà nước đã được đầu tư rất nhiều cho các công trình, dự án phục vụ kinh tế biển như các khu công nghiệp ven biển, sân bay, đô thị, hạ tầng giao thông, hành lang kinh tế...

Tuy vậy, quy mô kinh tế biển còn nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và cũng chỉ mới tận dụng, khai thác hiệu quả được một phần vùng biển quốc gia, chưa có đủ điều kiện để vươn ra vùng biển quốc tế. Hệ thống giao thông đường bộ ven biển chưa đáp ứng yêu cầu, hạ tầng kỹ thuật biển còn yếu, chưa đồng bộ; chưa có nhiều cảng biển lớn tầm cỡ khu vực. Công tác bảo tồn tài nguyên, bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch chưa đồng bộ, thiếu bền vững. Đặc biệt, cơ chế chính sách thu hút đầu tư, nhất là từ khu vực tư nhân cho phát triển các ngành kinh tế biển chưa đủ sức hấp dẫn.

Thứ tư, cần đẩy mạnh thu hút nguồn lực từ thành phần kinh tế tư nhân, xã hội hoá cho phát triển bền vững du lịch biển

Các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cho các hoạt động kinh tế biển xanh, chủ động thu hút các nhà đầu tư lớn, có công nghệ nguồn, trình độ quản lý tiên tiến từ các nước phát triển. Xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng biển, đảo, các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các tập đoàn kinh tế biển mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh trên biển theo hướng xanh hóa, đặc biệt là ở các vùng biển xa bờ. Tiếp tục cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước thuộc các ngành kinh tế biển, bảo đảm nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh.

Thứ năm, tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân và du khách cùng chung tay bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên biển

Tại các điểm đến du lịch biển, đảo cần đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân và du khách về tầm quan trọng, đạo đức, trách nhiệm trong việc chung tay bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên. Xây dựng nội quy khu du lịch, nghỉ dưỡng. Đầu tư hệ thống hạ tầng thu gom, phân loại rác thải. Đầu tư kinh phí, nghiên cứu trồng cây xanh chắn gió, cát, ngăn chặn sự xâm thực của nước biển,...

Thứ sáu, đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển bền vững kinh tế biển nói chung và phát triển bền vững du lịch biển nói riêng

Con người là tài nguyên của mọi tài nguyên, là nguồn lực của mọi nguồn lực. Tuy nhiên, công tác phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao chưa thực sự tạo ra bước đột phá; hệ thống cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ biển, đào tạo nguồn nhân lực cho kinh tế biển cũng như các cơ sở quan trắc, dự báo, cảnh báo biển, thiên tai biển, các trung tâm tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn,... ở ven biển có quy mô nhỏ, trang bị thô sơ, thiếu nhân lực, năng lực hạn chế. Việc bố trí nguồn lực tài chính để triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp và khâu đột phá gặp nhiều khó khăn; thiếu cán bộ kỹ thuật có năng lực, kinh nghiệm thực tế trong thực hiện các dự án; hiện tượng “chảy máu nguồn nhân lực” thường xuyên xảy ra, chế độ, chính sách cho đội ngũ thực hiện các nhiệm vụ, dự án nghiên cứu, điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển còn

nhiều bất cập, không phù hợp, đời sống người lao động bấp bênh,... Do đó, Nhà nước cần có chính sách thu hút, đào tạo nhân lực giỏi về kinh tế biển, cũng như có tâm và có tầm trong việc phát triển bền vững kinh tế biển nói chung và phát triển bền vững du lịch biển nói riêng.

III. KẾT LUẬN

Phát triển du lịch bền vững nói chung, phát triển bền vững du lịch biển nói riêng là yêu cầu cấp thiết hiện nay ở nước ta. Bởi ngành du lịch đã trở thành một ngành kinh tế quan trọng với hiệu quả kinh tế cao, được gọi là “ngành xuất khẩu vô

hình”, ngành “công nghiệp không khói”, đem lại nguồn ngoại tệ lớn cho địa phương, đất nước, góp phần đáng kể vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Bước vào kỷ nguyên mới – Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Việt Nam cần có những giải pháp hữu hiệu và đồng bộ để phát triển bền vững du lịch biển, đảo. Phần đầu đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển, giàu từ kinh tế biển. Phát triển một Việt Nam thịnh vượng, hạnh phúc, một điểm đến xinh đẹp đối với du khách quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Huy Xu, Võ Văn Thành (2019), *Du lịch Việt Nam từ lý thuyết đến thực tiễn*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Stephen F. McCool & Keith Bosak (editors) (2016), *Reframing Sustainable Tourism (Environmental Challenges and Solutions)*, Springer, tr.14.
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Luật Du lịch*. Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.